TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2023/DS-PT
Ngày: 16-8-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 663/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Minh P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: A đường L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/3/1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Ông Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp F, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Hồ Minh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Minh P ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 15/9/2022 chị P có thỏa thuận cho cha con ông Nguyễn Văn Ú và ông Nguyễn Ngọc P1 vay số tiền 1.800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi xuất 5%/tháng, hạn vay 24 tháng, trả lãi vào ngày 15/9 hàng tháng tính từ ngày 15/9/2022. Ông Ú, ông P1 đã nhận đủ tiền và cả hai cùng ký vào hợp đồng cho mượn tiền ngày 15/9/2022, có con dâu là chị Nguyễn Ngọc G ký tên làm chứng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Ú, ông P1 có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K344111 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/9/1997 cho ông Nguyễn Văn Ú đứng tên cho chị P giữ để làm tin.

Từ lúc nhận tiền vay đến nay ông Ú, ông P1 không trả tiền lãi theo thỏa thuận, chị P đòi nhiều lần nhưng ông P1, ông Ú lánh mặt không gặp chị P.

Do ông Ú, ông P1 vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Ú, ông P1 trả lại số tiền vay 1.800.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày xét xử theo theo mức lãi xuất 1,66%, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Do khi vay tiền, ông Ú, ông P1 có thỏa thuận giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K344111 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/9/1997 cho ông Nguyễn Văn Ú đứng tên cho chị P giữ để làm tin nên yêu cầu Tòa án ghi nhận bà P chỉ đồng ý trả lại giấy đất sau khi ông Ú, ông P1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

**** Theo biên bản hòa giải ngày 21/02/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn Ú trình bày:***

Thừa nhận lời trình bày của bà P là đúng sự thật. Cha con ông có vay của bà P số tiền 1.800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi xuất 5%/tháng, hạn vay 24 tháng như bà P trình bày, đã nhận đủ tiền, ông và P1 có ký vào giấy mượn tiền ngày 15/9/2022 và đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên cho chị P giữ để làm tin. Sau khi nhận tiền thì chỉ có P1 sử dụng, hiện P1 bị nhiều người đòi nợ quá nên bỏ trốn đi đâu không biết, nhưng vẫn chung hộ khẩu gia đình với ông.

Nay ông không đồng ý trả nợ cùng P1 vì chỉ có mình P1 sử dụng tiền vay của chị P.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Minh P.

Buộc ông Nguyễn Văn Ú và ông Nguyễn Ngọc P1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Minh P số tiền 2.008.164.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hồ Minh P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ú và ông Phước c thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 27/4/2023, nguyên đơn bà Hồ Minh P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phục thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, cụ thể:

Xem xét, đánh giá lại sự tự nguyện của bà Hồ Minh P về việc bà P đồng ý trả lại giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành K344111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn Ú ngày 08/9/1997 khi ông Nguyễn Văn Ú và Nguyễn Ngọc P1 trả đủ tiền cho bà P ghi nhận vào trong bản án của Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: việc bà P tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông Ú khi ông Ú thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là không trái với quy định của pháp luật, bà P kháng cáo có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của bà P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông Ú khi ông Ú thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn anh Nguyễn Ngọc P1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P1 là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu ông Ú, ông P1 trả số tiền vay, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà P với bị đơn ông Ú, anh P1 là đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đơn kháng cáo của bà P đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung kháng cáo: Ngày 27/4/2023, nguyên đơn bà Hồ Minh P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phục thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, cụ thể:

Xem xét, đánh giá lại sự tự nguyện của bà Hồ Minh P về việc bà P đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K344111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn Ú ngày 08/9/1997 khi ông Nguyễn Văn Ú và Nguyễn Ngọc P1 trả đủ tiền cho bà P ghi nhận vào trong bản án của Tòa án.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Minh P: hiện nay bà Hồ Minh P đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K344111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn Ú ngày 08/9/1997, việc bà P giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Nguyễn Văn Ú là do khi ông Ú và ông P1 vay tiền của bà P đã đưa cho bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ú để làm tin. Hợp đồng vay tiền giữa bà P và ông Ú, P1 đã phát sinh tranh chấp, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Ú và Nguyễn Ngọc P1 trả lại tiền vốn vay và tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Ú và ông P1 không có ý kiến gì đối với việc bà P hiện đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Nguyễn Văn Ú, bà P có ý kiến là tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Nguyễn Văn Ú cho ông Ú khi ông Ú, P1 trả xong nợ.

Đây là sự tự nguyện của bà P và cũng không trái với quy định của pháp luật và để giải quyết triệt để vụ án tránh tình trạng đương sự cớ mất và làm lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất khác. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện này của bà P là chưa đúng, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Minh P.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Minh P.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Ú và ông Nguyễn Ngọc P1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Minh P số tiền 2.008.164.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Hồ Minh P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ú và ông Phước c thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Minh P trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K344111 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn Ú ngày 08/9/1997 khi ông Nguyễn Văn Ú và Nguyễn Ngọc P1 thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ú và ông Nguyễn Ngọc P1 phải liên đới chịu 72.163.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho bà Hồ Minh P 34.340.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017142 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Bà Hồ Minh P không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại cho bà Hồ Minh P 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017556 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền